

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**  
**Dự án thành phần 2: Các khu tái định cư**  
**Thuộc Phương án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của toàn dự án**  
**(Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư)**  
**Dự án: Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 151/TTr-STC ngày 10/4/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung như sau:

- Tên công trình: Dự án thành phần 2: Các khu tái định cư Thuộc Phương án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của toàn dự án (Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) Dự án: Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: UBND tỉnh Bình Định.

- Địa điểm xây dựng: Huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017-2022.

- Thời gian thực hiện, hoàn thành:

+ Hạng mục: Nhà điều hành dự án: 24/5/2018-24/8/2018.

+ Hạng mục: San nền, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống cấp điện chiếu sáng và công trình dân dụng của 02 khu tái định cư: 15/9/2018-15/9/2020.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Chi phí đầu tư:

*Dvt: đồng*

TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
	<b>Tổng cộng chi phí</b>	<b>125.093.163.000</b>	<b>125.093.163.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng + Thiết bị + Hạng mục chung</b>	<b>108.211.564.000</b>	<b>111.999.494.000</b>
1	Gói thầu Nhà điều hành dự án		879.943.000
2	Gói thầu thi công xây dựng các hạng mục: San nền, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống cấp điện chiếu sáng và công trình dân dụng của 02 khu tái định cư		111.119.551.000
	<i>Công ty TNHH Đình Phát</i>		<i>66.676.367.000</i>
	<i>Công ty TNHH Hải Dương</i>		<i>31.501.041.000</i>
	<i>Công ty TNHH Hùng Phát</i>		<i>12.942.143.000</i>
<b>II</b>	<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>939.898.000</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>1.776.196.000</b>	<b>1.776.196.000</b>
<b>IV</b>	<b>Tư vấn đầu tư</b>	<b>5.987.190.000</b>	<b>5.987.190.000</b>
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư		
1	Lập nhiệm vụ quy hoạch	45.574.000	493.027.000
2	Lập quy hoạch các khu tái định cư	447.453.000	
3	Lập báo cáo Nghiên cứu khả thi	498.561.000	
4	Khảo sát địa hình	772.673.000	
5	Khảo sát địa chất	126.076.000	
6	Giám sát công tác khảo sát xây dựng (Phần khảo sát bổ sung GD DADT)	14.912.000	14.912.000
7	Lập nhiệm vụ quy hoạch bổ sung	17.773.000	17.773.000
8	Lập quy hoạch các khu tái định cư bổ sung	178.847.000	178.847.000
IV.2	Giai đoạn thực hiện dự án		
1	Khảo sát và lập thiết kế BVTC-DT	1.839.093.000	1.839.093.000
2	Giám sát thi công xây dựng + Thiết bị	1.731.446.000	1.731.446.000
	Nhà điều hành dự án		16.196.000

	Các hạng mục: San nền; hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống cấp điện, chiếu sáng 02 khu tái định cư; Các hạng mục phần dân dụng, bao gồm: Trụ sở UBND xã; Trường tiểu học, Nhà văn hóa xã; Trường mầm non, Trạm y tế, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà làm việc Công an - xã Đội, Nhà làm việc Bưu điện xã, Nhà làm việc Đài Truyền thanh xã, Trường PTDT Bán trú; cổng ngõ, tường rào chung khu hành chính		1.715.250.000
3	Giám sát công tác khảo sát xây dựng	11.316.000	11.316.000
4	Lập HSMT, ĐG HSDT tư vấn khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT	3.693.000	3.693.000
5	Lập HSMT, ĐG HSDT thi công xây dựng công trình	191.276.000	191.276.000
6	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC - DT	108.497.000	108.497.000
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>8.178.315.000</b>	<b>5.330.283.000</b>
1	Hạng mục chung		
1.1	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	986.501.000	
	Hạng mục Nhà điều hành dự án	0	
	Các hạng mục còn lại	986.501.000	
1.2	Chi phí một số công việc thuộc hạng mục chung nhưng không xác định được khối lượng từ thiết kế	1.861.534.000	
	Hạng mục Nhà điều hành dự án	0	
	Các hạng mục còn lại	1.861.534.000	
2	Bảo hiểm công trình	157.090.000	157.090.000
3	Thẩm định thiết kế BVTC-DT	85.613.000	85.613.000
4	Thẩm định HSMT và kết quả đấu thầu TV KS, lập thiết kế BVTC-DT	2.000.000	2.000.000
5	Thẩm định HSMT và kết quả đấu thầu thi công xây dựng	95.638.000	95.638.000
6	Rà phá bom mìn		
6.1	Chi phí khảo sát, lập PA, DT	138.930.000	138.930.000
6.2	Chi phí thẩm định		
6.3	Chi phí thi công rà phá bom mìn, vật nổ	4.471.830.000	4.471.830.000
7	Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng (Phần KS bổ sung giai đoạn DA ĐT)	10.986.000	10.986.000

8	Lập nhiệm vụ khảo sát (giai đoạn thiết kế BVTC)	8.337.000	8.337.000
9	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	8.986.000	8.986.000
10	Thẩm định đồ án quy hoạch	40.705.000	40.705.000
11	Quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	36.913.000	36.913.000
12	Chi phí công bố quy hoạch	14.174.000	14.174.000
13	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	136.977.000	136.980.000
14	Kiểm toán công trình	98.549.000	98.549.000
15	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch bổ sung	3.554.000	3.554.000
16	Thẩm định đồ án quy hoạch bổ sung	19.998.000	19.998.000

## 2. Vốn đầu tư:

*Đvt: 1.000 đồng*

T T	Nội dung	Dự toán duyệt lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>125.093.163</b>	<b>125.093.163</b>	<b>124.956.183</b>	<b>136.980</b>	<b>0</b>
+	Vốn đầu tư công NSTW: Đầu tư tập trung			619.650		
+	Vốn Trái phiếu Chính phủ			124.237.984		
+	Vốn thu tiền sử dụng đất			98.549		

**3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.**

**4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:**

Đvt: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>125.093.163.000</b>	<b>125.093.163.000</b>
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			125.093.163.000	125.093.163.000

**5. Vật tư thiết bị tồn đọng:** không

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là: 125.093.163.000 đồng.

Đvt: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>125.093.163.000</b>	
<b>1) Vốn đã thanh toán</b>	<b>124.956.183.000</b>	
- Đã bố trí : Vốn đầu tư công NSTW: Đầu tư tập trung	619.650.000	
- Vốn Trái phiếu Chính phủ	124.237.984.000	
- Vốn đầu tư công NST: Thu tiền sử dụng đất	98.549.000	
<b>2) Vốn còn thanh toán tiếp:</b>	<b>136.980.000</b>	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (25/12/2022):

Tổng nợ phải trả (Chi phí khác: Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán): 136.980.000 đồng.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản:

Đvt: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
UBND huyện An Lão	125.093.163.000

**Điều 4.** Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện An Lão và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**